

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 29-01-2021

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Ngọc Cận.

Ông Phan Văn Tạo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2020/QĐXXST-DS ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

+ Ông **Vương Tuấn P**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm 1, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà **Nguyễn Như H**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, khóm 4, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Mỹ L**, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2020 – có mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm 3, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thúy L**, (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: đường B, phường L, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

Nơi cư trú hiện nay: đường V, khóm 5, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2020 của nguyên đơn ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L trình bày:*

Vào ngày 11/12/2019, bà Nguyễn Thị Thúy L có vay của ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H số tiền 1.500.000.000 đồng để bà bổ sung vốn làm ăn, và bà L hẹn 02 tháng sau sẽ trả đủ tiền vay mượn cho ông P và bà H. Nhưng sau đó, bà L nói do đang kẹt tiền nên chưa trả nợ cho ông P và bà H. Đến ngày 26/05/2020, bà L tiếp tục hỏi vay thêm của ông P và bà H số tiền 300.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay với số tiền là 1.800.000.000 đồng (trong đó vay của ông P số tiền 1.080.000.000 đồng và vay của bà H số tiền 720.000.000 đồng) bà L viết chung biên nhận cho ông P và bà H cất giữ. Hai bên thỏa thuận tính lãi suất là 3%/tháng và bà L hẹn đến ngày 15/6/2020 sẽ trả đầy đủ vốn, lãi cho ông P và bà H. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn theo thỏa thuận, mặc dù ông P và bà H nhiều lần yêu cầu bà L phải trả nợ nhưng bà L không thực hiện việc trả vốn và lãi.

Theo đơn khởi kiện thì phía nguyên đơn yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải trả cho ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H số tiền vốn vay là 1.800.000.000 đồng (trong đó trả cho ông P số tiền 1.080.000.000 đồng và trả cho bà H số tiền 720.000.000 đồng). Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 27/5/2020 đến ngày 31/7/2020 là 64.740.000 đồng (trong đó trả cho ông P số tiền lãi là 38.844.000 đồng và trả cho bà H số tiền lãi là 25.896.000 đồng) bà yêu cầu bà L phải tiếp tục trả lãi trên số tiền vốn vay là 1.800.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/8/2020 cho đến khi bà L trả hết nợ.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải trả cho ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H số tiền vốn vay tổng cộng là 1.800.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,833%/tháng, tính từ ngày 16/6/2020 đến ngày 29/01/2021 là 111.455.400 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát P biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thúy L có vay của ông Vương Tuấn P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L có nơi cư trú tại phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trả số tiền nợ 1.800.000.000 đồng và tiền lãi P sinh. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn bà L.

[3] Xét yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc

thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn đã vay là 1.800.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là tờ “*biên nhận mượn tiền*” đề ngày 11/12/2019 với nội dung là bà Nguyễn Thị Thúy L mượn của ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H số tiền 1.500.000.000 đồng và tờ “*biên nhận mượn tiền*” đề ngày 26/5/2020 với nội dung là bà Nguyễn Thị Thúy L mượn của ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H số tiền 1.800.000.000 đồng, trong tờ biên nhận này cũng thể hiện nội dung là thay thế cho tờ “*biên nhận mượn tiền*” đề ngày 11/12/2019. Đồng thời tại “*Biên bản hòa giải cơ sở*” ngày 13/8/2020 tại Ban nhân dân khóm 5, phường 3, thành phố Sóc Trăng trong nội dung hòa giải này bà L cũng thừa nhận có mượn và đồng ý trả số tiền 1.800.000.000 đồng cho ông P và bà H. Như vậy, bị đơn bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn đã vay là 1.800.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả với lãi suất 0,833%/tháng tính từ ngày 16/6/2020 đến ngày 29/01/2021 với số tiền là 111.455.400 đồng, thấy rằng: trong quá trình vay phía nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi suất cho vay và tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 0,833%/tháng, tính từ ngày bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền với là ngày 16/6/2020 đến ngày 29/01/2021 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nên có cơ sở chấp nhận. Tiền lãi chậm trả được tính như sau:  $(1.800.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng } 13 \text{ ngày}) = 111.455.400 \text{ đồng}$ .

[6] Do bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định: Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 1.800.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 111.455.400 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 1.911.455.400 đồng.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L trả cho nguyên đơn ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H số tiền vốn vay là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả là 111.455.400 (một trăm mười một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm) đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 1.911.455.400 (một tỷ chín trăm mười một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí số tiền 69.343.662 (sáu mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng.

Nguyên đơn ông Vương Tuấn P và bà Nguyễn Như H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Vương Tuấn P tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 22.782.600 (hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm) đồng theo biên lai thu số 0004620 ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Như H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.917.900 (mười sáu triệu chín trăm mười bảy nghìn chín trăm) đồng theo biên lai thu số 0004621 ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Phước Tài**

